TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2025/HNGĐ-ST
Ngày 31-7-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Mạnh

Bà Nguyễn Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng tham gia phiên tòa*:* Bà Bùi Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 120/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1981; nơi cư trú: Tổ dân phố 6, phường Thủy Đường, thành phố TN, thành phố Hải Phòng; Nay là: Tổ dân phố 6, phường TN, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn H, sinh năm 1981; nơi cư trú: Tổ dân phố 6, phường Thủy Đường, thành phố TN, thành phố Hải Phòng; Nay là: Tổ dân phố 6, phường TN, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 06/02/2025 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Trần Thị T trình bày:

1. Về hôn nhân:

Chị và anh Phạm Văn H kết hôn lấy nhau vào năm 2009 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo Giấy đăng ký kết hôn số 05 ngày 09/02/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Thủy Sơn (Nay là UBND phường TN), thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, đến đầu năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách hai bên không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống và lối sống, không có tiếng nói chung dẫn đến thường xảy ra cãi nhau, xúc phạm lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nH không có kết quả. Năm 2017, chị đã làm đơn xin ly hôn ra Tòa án nhân dân huyện TN, trong quá trình hòa giải chị đã có đơn xin rút đơn khởi kiện để cho anh H thêm cơ hội hàn gắn tình cảm, sửa chữa. Do mâu thuẫn, chị sống ly thân với anh H cho đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên sâu sắc, trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh H.

2. Về con chung:

Chị T trình bày chị và anh H có 02 con chung tên là Phạm Văn H Thịnh sinh ngày 23/12/2009 và Phạm T An sinh ngày 18/12/2012. Khi ly hôn, chị trình bày đề nghị được tiếp tục trực tiếp nhận nuôi 02 con chung Phạm Văn H Thịnh sinh ngày 23/12/2009 và Phạm T An sinh ngày 18/12/2012, về cấp dưỡng nuôi con chung để chị và anh H tự thỏa thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung:

Chị T trình bày chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Phạm Văn H là bị đơn trong vụ án, trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được tống đạt các văn bản và Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nH vẫn không có quan điểm trình bày gì.

Biên bản xác minh ngày 08/5/2025 tại Ủy ban nhân dân phường Thủy Đường (Nay là phường TN), thành phố Hải Phòng thể hiện: Chị Trần Thị T và anh Phạm Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thủy Sơn, thành phố Hải Phòng vào ngày 09/02/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng cùng nhau chung sống tại Tổ dân phố Bạch Đằng 2, thị trấn Núi Đèo, thành phố TN, thành phố Hải Phòng. Sau đó vợ chồng chuyển về sinh sống tại Tổ dân phố 6, phường TN, thành phố Hải Phòng.

Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2016 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, thiếu tin tưởng lẫn nhau về mặt tình cảm nên vợ chồng xảy ra cãi mắng lẫn nhau. Mâu thuẫn giữa vợ chồng đã được hòa giải nH không có kết quả. Nay chị T xin ly hôn, đại phương nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã và ngày càng trầm trọng nên đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật giải quyết.

Về con chung: Chị T và anh H có 02 con chung tên là Phạm Văn H Thịnh sinh ngày 23/12/2009 và Phạm T An sinh ngày 18/12/2012, trường hợp vợ chồng ly hôn đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng các bên giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung của vợ chồng: Đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng, nguyên đơn chấp hành pháp luật. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng Dân sự; Khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung số 85/2025/QH15 được Quốc Hội thông qua vào ngày 25 tháng 6 năm 2025 và các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử: Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Phạm Văn H; về con chung: Giao cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi con chung tên là Phạm Văn H Thịnh sinh ngày 23/12/2009 và Phạm T An sinh ngày 18/12/2012 cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; về cấp dưỡng nuôi con chung và về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết; nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều số 85/2025/QH15 được Quốc Hội thông qua vào ngày 25 tháng 6 năm 2025.

[2]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị T và anh Phạm Văn H đã được xác lập là hợp pháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05 ngày 09/02/2009 tại Ủy ban nhân dân phường Thủy Sơn, thành phố Hải Phòng. Căn cứ vào lời khai của đương sự và tài liệu điều tra xác minh tại địa phương thể hiện trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, từ năm 2016 mâu thuẫn trở nên sâu sắc, trầm trọng không thể hàn gắn tình cảm được, do mâu thuẫn vợ chồng nên chị T và anh H sống ly thân cho đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Toà án đã triệu tập hợp lệ anh Phạm Văn H nH anh Phạm Văn H vắng mặt và không trình bày quan điểm về việc chị Trần Thị Thuý xin ly hôn. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng có tồn tại làm cho hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, khả năng đoàn tụ không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục

đích của hôn nhân không đạt được. Chị T yêu cầu ly hôn, căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho ly hôn giữa chị T và anh H.

[3]. Về con chung: Chị T và anh H có 02 con chung tên là Phạm Văn H Thịnh sinh ngày 23/12/2009 và Phạm T An sinh ngày 18/12/2012. Khi ly hôn, chị T đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi 02 con chung. Anh Phạm Văn H đã được Toà án triệu tập hợp lệ nH vắng mặt và cũng không có quan điểm về việc nuôi con. Việc giao con chung cho ai nuôi cần phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con chung. Xét thấy, chị T đang trực tiếp nuôi con chung Phạm Văn H Thịnh sinh ngày 23/12/2009 và Phạm T An sinh ngày 18/12/2012 vẫn ổn định, con chung phát triển bình thường và được đảm bảo tốt, chị T có đầy đủ khả năng, điều kiện nuôi con chung. Con chung tên là Phạm Văn H Thịnh sinh ngày 23/12/2009 và Phạm T An sinh ngày 18/12/2012 có nguyện vọng được ở với chị T khi ly hôn. Do vậy, để ổn định cuộc sống của con chung cần giao cả 02 con chung cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi là phù hợp với các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh H không có trình bày quan điểm, ý kiến, yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh H không có trình bày quan điểm, ý kiến, yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5]. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[6]. Về quyền kháng cáo: Chị T và anh H có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều số 85/2025/QH15 được Quốc Hội thông qua vào ngày 25 tháng 6 năm 2025; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Phạm Văn H.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi 02 con chung tên là Phạm Văn H Thịnh sinh ngày 23/12/2009 và Phạm T An sinh ngày 18/12/2012 cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh Phạm Văn H không có trình bày quan điểm, yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung: Chị Trần Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh Phạm Văn H không có trình bày quan điểm, yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010503 ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN, thành phố Hải Phòng (Nay là Thi hành án Dân sự thành phố Hải Phòng). Chị Trần Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND khu vực 1-Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- UBND phường TN;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Vân